

DOCAT

MỖI TUẦN MỘT ĐỀ TÀI - TUẦN 82

TẠI SAO NGƯỜI TA SỢ MẤT NĂNG LỰC KIỂM SOÁT HÀNH VI?



Lý trí và ý chí là hai cấu tố làm cho con người hoàn toàn khác biệt với những tạo vật khác.

Lý trí để biết và ý chí để ước muốn. Nói cách khác, năng lực của ý chí là hiểu biết còn năng lực của ý chí là tự do chọn lựa. Như chúng ta biết, tự do là một trong những món quà cao quý nhất mà Thiên Chúa đã ban cho con người để con người có thể chọn lựa “loại người” nào mình muốn trở thành” và “loại hành động nào mình muốn thực hiện. Chính sự hiểu biết và chọn lựa làm cho con người có khả năng kiểm soát những hành vi của mình chứ không tuân theo bản năng như các loài vật khác. Ví dụ, con người khi đó có thể kiểm soát hành động ăn uống của mình, tránh những thứ gây hại hoặc mang lại cái chết cũng như làm mất danh dự của mình dù bản năng sinh tồn vẫn có đó như những loài vật khác. Điều này cho thấy, năng lực kiểm soát hành vi là một trong những điều làm cho con người khác với những loài vật khác.

Điều chúng ta cần lưu ý ở đây là thuật ngữ “hành vi.” Trong luân lý, khi nói đến hành vi, chúng ta có ý nói đến “hành vi nhân linh,” đó là hành vi có sự hiểu biết và tự do chọn lựa. Hành vi này khác với “hành vi nhân sinh,” là hành vi hằng ngày của con người như ăn, uống, ngủ, đi, ngồi, v.v. Khi mất khả năng kiểm soát những hành vi nhân sinh, chúng ta đã cảm thấy cuộc sống trở nên một gánh nặng không thể chịu nổi. Gánh nặng này còn trở nên nặng nề hơn không chỉ cho chính mình mà cho người khác khi một người mất đi năng lực hiểu biết và tự do chọn lựa để thực hiện những hành vi nhân linh. Chính trong bối cảnh này, chúng ta sẽ hiểu hơn vấn nạn được đặt ra trong câu học hỏi của DOCAT tuần này.

Trước nỗi lo sợ của con người về việc mất kiểm soát hành vi, DOCAT chỉ ra cho chúng ta lý do của nỗi sợ này là do:

Người ta lo ngại cảnh sống dựa vào lòng thương xót của người khác. Người ta sợ cảnh sống phụ thuộc hoặc sống cô độc. Xu hướng mở rộng các dịch vụ hợp pháp chăm lo cho người bệnh nan y và hấp hối giải quyết những mối bận tâm này. Chúng ta phải thu xếp cho người ở giai đoạn cuối đời đối diện với cái chết của mình trong sự chăm sóc yêu thương của người khác. Ngoài ra, họ đặc biệt cần được nâng đỡ tinh thần trong những tuần và ngày cuối cuộc đời.

Lý do chính yếu dẫn đến sự sợ mất năng lực kiểm soát hành vi là “lo ngại cảnh sống dựa vào lòng thương xót của người khác.” Qua kinh nghiệm trong đời sống thường ngày, chúng ta nhận ra rằng theo khuynh hướng tự nhiên, ai trong chúng ta cũng muốn tự lập, không lệ thuộc vào người khác dù tự bản chất con người là một hữu thể có bản tính xã hội. Chúng ta luôn muốn thoát khỏi sự kiểm soát của người khác để tự hoạch định cho cuộc sống của mình. Nhiều người bị chê cười vì phải sống lệ thuộc vào người khác. Cảm thức không muốn lệ thuộc này được khuyến khích cách mãnh liệt ngày hôm nay bởi chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa mà chỉ quan tâm đến lợi ích của riêng cá nhân mình. Sống trong môi trường cá nhân chủ nghĩa và khuynh hướng muốn hoàn toàn độc lập, chúng ta cảm

thấy không thể chấp nhận khi phải sống dựa vào lòng thương xót của người khác. Thái độ “sự sống tôi, tôi sống, không liên quan gì đến ai” dần chiếm thể thượng phong. Thái độ này tạo nên sự phân rẽ trong con người: một mặt con người không muốn sống trong cô độc, nhưng muốn xây dựng những mối tương quan lành mạnh với người khác để được nâng đỡ khi thất bại, mặt khác con người lại không muốn lệ phụ thuộc vào người khác, không muốn thấy người khác tỏ lòng “thương hại.” Để giải quyết sự phân rẽ nội tại này, mỗi người chúng ta cần có một cái nhìn quân bình về thực tại con người: Mỗi người là một cá vị, nhưng cá vị này hiện hữu trong một tập thể. Nói cách khác, tôi là một người hữu thể độc lập, nhưng sự độc lập của tôi không tuyệt đối vì tôi là một hữu thể có bản tính xã hội, luôn sống trong tương quan với người khác.



Ý thứ hai trong câu trả lời của DOCAT mà chúng ta cần làm sáng tỏ là hai thái cực mang lại nỗi sợ cho con người, đó là hoàn toàn phụ thuộc vào người khác hoặc hoàn toàn bị bỏ rơi trong cô độc. Người ta thường nói, cái gì “quá” cũng không tốt. Trong đạo đức học, chúng ta biết rằng nhân đức luôn là sự trung dung ở giữa, không đi thái quá. Cụ thể hơn, khi hoàn toàn lệ thuộc vào người khác trong mọi sự, con người trở thành một con rô bốt, bị lập trình và

điều khiển. Điều này làm cho con người đau khổ. Nhưng bên cạnh đó, khi con người đi vào một thái cực khác, đó là đóng kín mình trong thế giới riêng. Tự quyết định hết mọi sự và trở nên “chúa” của cuộc sống mình, con người dần cảm thấy trở nên cô độc. Chúng ta thường nghe: “Không ai là một hòn đảo.” Con người chỉ tìm được niềm vui sống khi biết cân bằng giữa “lệ thuộc” và “tự lập.”

Điều thứ ba DOCAT đưa ra điều chúng ta cần làm để giúp anh chị em mình vượt qua nỗi sợ mất hết năng lực kiểm soát là mở các “dịch vụ hợp pháp.” Điều cần thiết đầu tiên cho những người làm trong các dịch vụ hợp pháp này là biết nhìn bệnh tật trong tương quan với Thiên Chúa. Trong Cựu Ước, chúng ta thấy mỗi khi đau khổ, bệnh tật, con người [dân Israel] chạy đến than thở với Đức Chúa. Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo trình bày cho chúng ta cái nhìn của Cựu Ước về bệnh tật trong tương quan với Thiên Chúa như sau:

Cựu Ước nhìn bệnh tật trong tương quan với Thiên Chúa. Con người than thở với Chúa về bệnh tật (x. Tv 38) và xin Người cứu chữa, vì Người là Chúa sự sống và sự chết (x. Tv 6,3; Is 38). Bệnh tật trở thành con đường hoán cải và Thiên Chúa có tha thứ bệnh mới lành (x. Tv 32,5; 107,20; Mc 2, 5-12). Dân Israel có kinh nghiệm rằng bệnh tật liên hệ cách bất nhiên với tội lỗi và sự dửng; trung thành giữ luật Chúa sẽ được Người hoàn toàn sự sống, “vì Ta là Chúa, là Lương của người” (Xh 15,26). Ngôn sứ Isaia tin rằng đau khổ cũng có giá trị cho người khác (x Is 53,11). Ông loan báo Thiên Chúa sẽ ban cho Xion một thời đại lúc đó Người sẽ tha thứ mọi tội lỗi và chữa lành mọi bệnh tật (x. Is 33,34).¹

¹ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1502.

Tình yêu của Thiên Chúa dành cho những người bệnh tật được cụ thể hoá nơi Đức Giêsu Kitô. Ngài được xem là một lương y nhân hậu. Ngài chữa lành mọi bệnh tật của những ai đến với người:

Đức Kitô cảm thương người bệnh tật và chữa lành nhiều kẻ yếu đau (x. Mt 7,24): đó là dấu chứng Thiên Chúa viếng thăm Dân Người (Lc 7,16) và Nước Trời đã gần kề. Đức Giêsu không những có quyền chữa bệnh nhưng còn có quyền tha tội (x. Mc 2,5-12): Người đến chữa lành con người, cảm nhận lẫn xác; Người là Lương y mà các bệnh nhân cần đến (x. Mc 2,17). Người cảm thương mọi bệnh nhân đến nỗi đồng hóa với họ: “Ta đau yếu, các người đã chăm nom” (Mt 25,36). Lòng yêu thương Đức Kitô dành cho những người đau yếu luôn thôi thúc các tín hữu đón nhận tất cả những người đau khổ về thể xác cũng như tinh thần. Tình yêu này là nguồn động lực cố gắng không ngừng để nâng đỡ những anh em đau khổ.²

Tuy nhiên, khi đọc các câu chuyện chữa lành trong Tin Mừng, chúng ta nhận ra rằng một trong những điều kiện cần để được chữa lành là đức tin: “Đức Giêsu thường đòi các bệnh nhân phải tin (x. Mc 5,34; 9,23). Người dùng những dấu bề ngoài để chữa bệnh: nước miếng và việc đặt tay (x. Mc 7, 32-36; 8,22-25), bùn đất và rửa sạch (x. Ga 9,6tt). Các bệnh nhân tìm cách chạm đến Chúa (x. Mc 1,41; 3,10; 6,56), “vì có một năng lực từ nơi Người phát ra chữa tất cả mọi người” (Lc 6,19). Trong các bối cảnh, Đức Kitô tiếp xúc “chạm” đến để chữa lành chúng ta.”³ Đức tin là một trong ba nhân đức đối thần, đưa chúng ta bước vào trong tương quan cá vị với Thiên Chúa. Khi chăm sóc những anh chị em đau yếu bệnh tật, những người chăm sóc cần có một đức tin vững mạnh, hầu nhận ra rằng mình là người được mời gọi “chạm” đến anh chị em mình để họ cảm nghiệm được tình yêu và sự nâng đỡ. Không có đức tin và tình yêu, chúng ta sẽ dễ dàng mất kiên nhẫn và xem người bệnh như là gánh nặng. Hệ quả là chúng ta có những lời nói hoặc hành động làm cho người bệnh cảm thấy mình bị “thương hại,” hơn là được “thương yêu.”

Lòng thương của Chúa Giêsu luôn dành cho những người đau khổ, những người đối diện với cái chết. Chúng ta nhận ra điều này trong những câu chuyện được thuật lại trong các Tin Mừng. Giáo Huấn của Giáo Hội dạy trình bày cho chúng ta sứ vụ chữa lành của Chúa Giêsu luôn phát xuất từ lòng thương yêu như sau:

Xúc động trước bao cảnh khổ đau, Đức Giêsu không những để cho bệnh nhân chạm đến Người nhưng còn nhân lấy đau khổ của họ làm của mình: “Người đã mang lấy các tội nguyên của ta và gánh lấy các bệnh hoạn của ta” (x. Mt 8,17; Is 53,4). Tuy nhiên, Người đã không chữa mọi bệnh nhân. Việc Người chữa lành là dấu chứng Nước Trời đang đến, loan báo việc chữa lành tận căn: đó là toàn thắng trên tội lỗi và cái chết nhờ cuộc Vượt Qua của Người. Trên thập giá, Đức Kitô đã mang lấy tất cả mọi gánh nặng của sự dữ. Người “xóa tội trần gian” (Ga 1,29) mà bệnh tật chính là một hậu quả. Khi chịu nạn và chịu chết trên thánh giá, Đức Kitô đã đem lại một ý nghĩa mới cho đau khổ: đau khổ giúp chúng ta nên đồng hành đồng dấn với Đức Kitô và liên kết chúng ta với cuộc khổ nạn cứu độ của Người.⁴

² Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1503.

³ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1504.

⁴ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1505.

Những lời trên cho thấy, đau khổ có ý nghĩa đặc biệt trong công trình cứu độ của Thiên Chúa. Nhưng để biết được ý nghĩa cứu độ của đau khổ, chúng ta cần đến sự đồng hành của người khác. Nói cách cụ thể, chỉ có tình yêu và sự chăm sóc tận tình sẽ giúp cho người ở giai đoạn cuối đời đối diện và đón nhận cái chết trong bình an và niềm vui. Tiếp tục sứ mạng chữa lành của Chúa Giêsu, Giáo Hội được mời gọi chữa lành các bệnh nhân về thể xác cũng như tinh thần: “Đức Kitô đòi các môn đệ bác thánh giá mình mà theo Người (Mt 10,38). Khi theo Chúa, các môn đệ có cái nhìn mới về bệnh tật và bệnh nhân. Chúa đã cho họ chia sẻ đời sống nghèo khó và phục vụ Người, cho họ tham dự vào sứ vụ cao cả thương và chữa lành: “Các ông đi rao giảng, kêu gọi người ta ăn năn sám hối. Các ông trừ được nhiều quỷ xức dầu cho nhiều người đau ốm và chữa lành họ” (Mc 6,12-13).⁵

Hội Thánh thực hiện sứ mạng chữa lành của mình qua các thời đại. Những bệnh viện công giáo, những viện dưỡng lão, các dòng tu được sáng lập để chăm sóc các bệnh nhân, các hội đoàn chăm sóc cho người đau yếu và người hấp hối được thiết lập trong các địa phận hoặc giáo xứ. Tất cả những hoạt động tông đồ này là những lối diễn tả cụ thể tình yêu của Thiên Chúa, thể hiện nơi Đức Kitô cho những người đau yếu bệnh tật. Bên cạnh tận tình chăm sóc, Hội thánh còn cầu nguyện cách đặc biệt cho các bệnh nhân. Qua các bí tích, Giáo Hội mang đến cho bệnh nhân nguồn sức mạnh thiêng liêng để đối diện với bệnh tật và cái chết trong niềm tin tưởng, phó thác. Thật vậy, mệnh lệnh hãy chữa lành bệnh nhân được Giáo Hội thực hiện với trọn con tim mình: “Hãy chữa lành bệnh nhân!” (Mt 10,8). Hội Thánh lãnh nhận sứ vụ này nơi Chúa và cố gắng thực hiện qua việc chăm sóc bệnh nhân và cầu nguyện cho họ. Hội Thánh tin Đức Kitô, vì Lương y thể xác và tinh thần, đang hiện diện và hoạt động đã biến trong các bệnh nhân, nhất là bệnh nhân Thánh Thể, bánh ban sự sống đời đời (x. Ga 6,54.58), và theo thánh Phaolô, có liên hệ đến sức khỏe thể xác (x. 1Cr 11,30).⁶

Tóm lại, con người luôn sợ mất năng lực kiểm soát hành vi vì con người là một hữu thể độc nhất vô nhị, không lặp lại trên trái đất này, được ban cho lý trí và ý chí để sống trọn vẹn kiếp nhân sinh của mình. Ý nghĩa của con người nằm ở chỗ cảm nghiệm được tình yêu hỗ tương: yêu và được yêu. Điều để nói lên con người là một cá vị; được yêu diễn tả xã hội tính của con người, là cần đến người khác. Con người lo sợ vì con người không muốn nhìn thấy mình bị “thương hại” hơn là “thương yêu” khi không còn khả



năng kiểm soát những hành vi của mình. Giáo Hội là mẹ nhân hiền luôn chăm sóc cho con cái mình, nhất là những lúc bệnh tật và hấp hối. Tình yêu dành cho các bệnh nhân này Giáo Hội nhận được từ Chúa Giêsu và thực thi qua các thể hệ. Không những thế, Giáo Hội còn có nghi thức riêng để cầu nguyện cho bệnh nhân, hầu xin Chúa chữa lành họ không chỉ về thể xác mà còn cả về linh hồn: “Hội Thánh thời các tông đồ đã có nghi thức riêng dành cho bệnh nhân. Thánh Giacôbê làm chứng: “Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến và họ sẽ cầu nguyện cho người ấy sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy và nếu đã phạm tội thì sẽ được Chúa thứ tha” (x. Gc 5,14-15). Truyền Thống Hội Thánh nhận nghi thức này làm một trong ba bệnh nhân” (x. DS 216; 1324-1325; 1695-1696;

⁵ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1506.

⁶ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1509.

1716-1717).⁷ Là con cái của Giáo Hội, chúng ta được mời gọi sống yêu thương, chăm sóc và đồng hành với những anh chị em bệnh tật và hấp hối, hầu giúp họ cảm nghiệm được tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa và chuẩn bị mình đi gặp Thiên Chúa với niềm vui và bình an của những người con cái Chúa.

⁷ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1510.